TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 903/2026/QĐST-HNGĐ	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 05 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 560/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 04 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Quang H**, sinh năm: 1981.

Căn cước công dân: 001081xxxxxx, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, ngày cấp 12/09/2022.

Địa chỉ: Số E đường H, Khu phố E, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà **Bùi Thị Ngọc H1**, sinh năm: 1980.

Căn cước công dân: 079180xxxxxx, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, ngày cấp 31/01/2023.

Địa chỉ: Số C đường L, Khu phố C, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số E đường H, Khu phố E, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 05 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 05 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Quang H và bà Bùi Thị Ngọc H1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Quang H và bà Bùi Thị Ngọc H1 thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 73, quyển số: 01/2009, ngày đăng ký: 15/4/2009 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận F (nay là Ủy ban nhân dân phường B), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Quang H và bà Bùi Thị Ngọc H1 không còn giá trị pháp lý.

- *Về con chung:* Ông Nguyễn Quang H và bà Bùi Thị Ngọc H1 xác nhận có 02

con chung là trẻ **Nguyễn Ngọc Hà V**, sinh ngày: 07/11/2009, giới tính: Nữ và trẻ **Nguyễn Quang M**, sinh ngày: 07/01/2013, giới tính: Nam.

Bà Bùi Thị Ngọc H1 được quyền tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Ngọc Hà V.

Ông Nguyễn Quang H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Quang M.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Nguyễn Quang H, bà Bùi Thị Ngọc H1 cho đến khi ông Nguyễn Quang H, bà Bùi Thị Ngọc H1 có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Quang H, bà Bùi Thị Ngọc H1 có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản chung:* Ông Nguyễn Quang H và bà Bùi Thị Ngọc H1 yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự chung khác:* Ông Nguyễn Quang H và bà Bùi Thị Ngọc H1 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về lệ phí:* Ông Nguyễn Quang H tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà ông H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: 0017296 ngày 20/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Ông Nguyễn Quang H còn được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và Điều 36 Luật Thi hành án dân sự 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND Khu vực 10, TP.HCM (2);
- THADS TP.HCM (1);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (4).

THẨM PHÁN

Ôn Kim Chi

2 000025 971208